

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 27

CHƯƠNG VII: DI THÂN

(Trong chương này chánh truyện có mười hai vị, phụ có hai vị)

- 1/ Truyện ngài Thích Pháp Ngưng trụ chùa Hội Châu ở đất Thục, thời Nam Tề.
- 2/ Truyện ngài Thích Tăng Nhai ở Ích Châu, thời Bắc Chu
- 3/ Truyện ngài Thích Phổ Viên ở Ung Châu, thời Bắc Chu
- 4/ Truyện ngài Thích Phổ Tế ở núi Chung Nam đời Tùy (Phổ Tế)
- 5/ Truyện ngài Thích Phổ An ở Cốc Ngạnh Tử thuộc núi Chung Nam, đời Tùy
- 6/ Truyện ngài Thích Đại Chí ở Lô Sơn thuộc Cửu Giang, đời Tùy
- 7/ Truyện ngài Thích Trí Mạng ở Ngụy Trịnh, thời Tiền Đường
- 8/ Truyện ngài Thích Huyền Lãm trụ chùa Hoàng Phước ở kinh đô, thời Tiền Đường
- 9/ Truyện ngài Thích Pháp Khoáng trụ chùa Hoàng Thiện ở kinh đô, thời Tiền Đường
- 10/ Truyện ngài Thích Hội Thông ở Cốc Báo Lâm, thuộc núi Chung Nam, thời Tiền Đường.
- 11/ Truyện ngài Xà-lê Thiệu ở Tử Châu, thời Tiền Đường.
- 12/ Truyện ngài Thích Đạo Hưu trụ chùa Phước Duyên ở Tân Phong thuộc Ung Châu, thời Tiền Đường

1- Truyện ngài Thích Pháp Ngưng trụ chùa Hội Châu ở đất Thục:

Thích Pháp Ngưng, là người xứ Hội Châu, họ Bàn. Lúc đầu, Vua Võ Đế (Tiêu Trách 483-494) thời Nam Tề mộng thấy đi đến núi Tề, mà không biết núi ấy thuộc ở châu huyện nào, bèn ban sắc trong thiên hạ tìm kiếm. Bấy giờ, có một cụ già ở Hội Châu tấu trình rằng: “Cách Châu Thành về hướng Bắc bảy dặm có núi Thần Nhân, xưa gọi đó là núi Tề.” Vua Võ Đế bèn sai người lên đó xây dựng tinh xá, độ tăng xuất gia, ban cấp ruộng đất. Khi đó, Sư còn còn nhỏ, mà được độ trước tiên. Sư chuyên tâm giữ giới, đạo đức ngày một mới. Sáu năm ba tháng, trai cúng liên tục không dứt. Ngài chỉ lấy việc ngồi thiền làm niệm, xuất thiền thị tụng Kinh, thường xuyên nhập thiền. Mọi người đua nhau đến xem mà không ai dám vào, chỉ ở cửa sổ từ xa nhìn. Trải qua một tháng, Sư xuất thiền mà vẫn chưa chịu ăn, các bậc danh tăng đại đức phần nhiều đến khuyên nhủ Sư. Tuy Sư ăn nhưng dần dần giảm ít.

Về sau, đến lúc bảy mươi tuổi, ở trước tôn tượng Phật, Sư đặt tòa mà ngồi. Mới đầu, Sư đốt một ngón tay, suốt ngày đêm không lay động. Khi lửa cháy tới cánh tay, mọi người và các đệ tử muốn đến dập tắt. Cho đến có người kêu gào. Sư lại cấm ngăn không bằng lòng. Lửa từ cánh tay cháy rục càng mạnh, bèn cháy khắp cả thân Sư suốt bảy ngày bảy đêm. Khi đó trong đời các hàng nam nữ có người gào khóc tự đánh vào mình, có người đánh lễ khen ngợi. Đến lúc thân Sư cháy hết chỉ còn hai nhúm tro, mọi người bèn gom nhặt, đưa lên đỉnh núi xây tháp cúng dường. Đến nay chỉ còn có một tinh xá, ngoài ra đều bị đổ nát.

2- Truyện ngài Thích Tăng Nhai ở Ích Châu, thời Bắc Chu:

Thích Tăng Nhai, họ Mâu, Tổ Tiên Sư vốn ở Phù Lăng. Niên hiệu Nghĩa Hy thứ chín (413) thời Đông Tấn, Chu Linh Thạch đánh chiếm cả ba trăm nhà ở Phù Lăng thuộc đất Thục, bèn theo Quân lính trị phạt, nhân đó đến dừng tại hang núi Kim Uyên ở Quảng Hán. Sư là con cháu nối dõi sau đó. Tuy tuổi còn nhỏ nhưng Sư ít nói, không chơi giỡn vui đùa. Mỗi lúc đi đến suối rừng thì Sư trước kính lễ, sau mới uống nước. Hoặc nhìn chăm chú không nháy mắt, ngồi suốt cả ngày. Có người hỏi lý do. Sư đáp: “Thân này đáng nhàm chán, ta suy tư về nó, sau này hẳn sẽ thiêu hủy đó!”

Đến lúc trưởng thành, Sư theo binh lính, nghiêm nghị cương chánh. Sư từng theo bạn đi bắt cá. Phần mình có được, Sư đều đem thả dưới sông, và nói với bạn rằng: “Giết hại không phải là nghiệp lành.

Nay khấp trên mình tôi đều mọc mụn nhọt, thề dứt bặt việc săn bắt”. Và Sư đốt tất cả khí cụ săn bắn. Khi đó, Vương Thủ lãnh mấy trăm người cùng lấp bít ao hồ để nuôi cá. Sư bèn dẫn các trẻ nhỏ trong nhà đến đó để xem. Bỗng nhiên có một con rắn lạ, thân dài cả thước, đầu đuôi đều màu đỏ, chỉ trong phút chốc nó dài hơn cả trượng, vây quanh năm-sáu thước. Các thợ săn đều bỏ chạy tán loạn, rắn bèn đến chỗ có nước, cất đuôi vào trong mây, phát ra ánh sáng màu đỏ khắp cả đồng trống, lâu sau mới biến mất. Sau đó, mọi người cùng nhóm họp luận bàn việc ấy. Sư bảo: “Đó không có gì đáng lo, chỉ nên dứt bỏ nghiệp giết hại thì rắn sẽ không hại người.” Và Sư lại khuyên dừng bỏ việc đào ao hồ. Mọi người chưa bằng lòng, không bao lâu thì bờ đê phòng ngừa đều bị vỡ.

Khi đó, Sư đến nương tựa Thiền sư Tất, dốc sức cung phụng kính hầu, tuy sung cả thân mạng làm người sai sử, nhưng Sư nói năng chậm rãi, cử động như người ngu si. Nhưng một đối một lời mà hợp với Đại lý, trải qua lưu ở mấy năm mà không có gì đổi khác. Đến lúc gặp tháng giá rét, Thiền sư bị bệnh lạnh chân, bảo Sư lấy lửa sưởi ấm. Sư bèn đem lò lửa lớn than cháy đỏ rục vào để ở trước. Thiền sư quả trách Sư rằng: “Kẻ ngu si, sao ông lấy nhiều lửa như thế?” Sư nghiêm sắc mặt đáp rằng: “Cần lửa để trừ lạnh, có được lửa lại nói là nóng, vậy ai là người ngu si? Tánh tình như thế, làm sao đắc Đạo được?” Thiền sư bảo Sư rằng: “Ông không sợ lửa, vậy hãy thử đưa tay vào lửa xem”. Sư liền dí ngón tay vào lửa, Sư hét lên thành tiếng, khói xanh bốc lên, nhưng Sư không biến đổi hình dung. Thiền sư thâm lấy làm lạ, nhưng chưa cung kính ngay. Lại đến hôm khác, các đệ tử của Thiền sư bảo rằng: “Tăng Nhai chịu được lửa”. Bèn cùng nhau đẩy Sư đến chỗ lửa, các chỗ bị đốt đều thành vết thương mà Sư vẫn vui vẻ nói cười tự nhiên, không hề tỏ vẻ đau khổ. Các đệ tử đều thưa hỏi việc ấy với Thiền sư. Thiền sư bèn gọi Sư đến bảo rằng: “Ông ở đây học Phật Pháp, không được làm những việc khiến hoặc loạn mọi người”. Sư đáp: “Nếu chẳng khổ thân thì làm sao đắc Đạo được? Nếu được xuất gia một ngày là đủ “. Thiền sư bèn độ cho Sư xuất gia, tự xuống tóc cho Sư, nhưng chỉ thấy tóc mai và râu là cạo bỏ, còn bao nhiêu đều tự rụng, Thiền sư liền để dao xuống đất, vén y, đánh lễ mà thưa rằng: “Pháp sư Tăng Nhai đến làm thầy tôi, tôi xin làm đệ tử!”. Sư khiêm nhường cảm tạ mà thôi.

Khi Pháp y đã mặc vào thân, bốn chúng đều tôn kính, quy mạng chí thành. Sư không hề tiếc lặn. Ở những nơi có người tật bệnh, Sư đến, thì không bệnh gì chẳng được tiêu trừ. Suốt thời gian ba mươi năm, Sư chuyên rộng cứu giúp. Đến lúc ngoài bảy mươi tuổi mà tâm lực Sư còn

khỏe mạnh. Tháng sáu niên hiệu Võ Thành thứ nhất (559) thời Bắc Chu, Sư đến đầu đường phía Tây thành Ích Châu, dùng vải bọc năm ngón của hai bàn tay mà thiêu. Có người hỏi: “Đốt ngón tay nào không đau đớn ư?” Sư đáp: “Đau đớn là do tâm khởi, tâm đã không đau khổ thì ngón tay đâu có đau khổ”. Mọi người đương thời đều gọi Sư là “Bồ-tát Tăng Nhai”. Có người hỏi rằng: “Dường như bị bệnh phong, sao ông không chữa trị?” Sư đáp: “Thân đều là không, biết chữa trị ở đâu”. Người ấy lại hỏi: “Căn Đai có đối đãi, sao gọi là Không?” Sư bảo: “Bốn Đai, năm Căn trú ở nơi nào?” Mọi người đều phục lời nói ấy.

Có Pháp Sư Đoái ở chùa Hiếu Ái là người có kiến giải rộng lớn, nhân nghe Sư phát tích, bèn dẫn các đệ tử mấy mươi người đến chỗ Sư để lễ kính, cỡi y dăng thí, và nhìn lại đại chúng mà bảo rằng: “Thật thấu suốt Bát-nhã, chẳng phải nói rỗng không.” Từ đó các hàng đạo tục cùng nhau nhóm họp gấp bội, thêm sự kính tin. Cứ như thế, trải qua ngày sau, các ngón tay trái lửa cháy hết dần đến lòng bàn tay, xương tủy sôi trào vọt lên sắp tắt lửa dữ, Sư bèn đưa tay phải đã hết ngón cấp que tre mà khơi lửa. Có người hỏi nguyên do. Sư đáp: “Vì chúng sinh chẳng thể thực hành Nhẫn, nay khuyên những người không thể Nhẫn thì nên nhẫn, người chẳng thể thiêu đốt thì thiêu đốt.” Sư lại nói pháp dạy răn, khiến mọi người thực hành từ, dứt bỏ ăn thịt. Tuy khói lửa đều cháy mạnh, suốt ngày liền đêm, thiêu đốt cả hai tay, mà mắt mày Sư không hề đổi thay. Sư lại vì bốn chúng giảng pháp tụng kinh. Đến những chỗ văn từ cần thiết, nghĩa lý cốt yếu, thì cầm đầu Sư hơi tỏ vẻ vui cười. Có lúc có người trong tâm biếng trễ nên nói chuyện riêng, Sư nhìn mà bảo rằng: “Ta ở trong núi, mới đầu không biết chữ, nay nghe lời kinh, mỗi câu đều tương ứng với tâm. Sao chẳng dốc lòng lắng nghe? Nếu trái với đây thì không thiêu đốt tay này, đâu khác gì khúc củi ư?” Từ đó đại chúng kính sợ, không ai chẳng chuyên chú. Sau đó, Sư lại bảo với đại chúng rằng: “Chúng sinh ở thời mạt pháp khinh mạn, tâm dần dần mỏng, thấy tôn tượng chỉ như cây gỗ, nghe kinh như gió thoảng qua tai ngựa. Nay vì ghi chép Kinh giáo Đại thừa nên đốt tay diệt thân, muốn khiến cho tôn trọng Phật Pháp.” Khắp cả cảnh vực, các hàng sĩ nữ nghe thế đều đến nhiễu quanh mấy muôn vòng. Sư vẫn tự nhiên tĩnh lặng, dung nghi nhan sắc chẳng đổi thay. Thường nhóm họp nơi đường lớn ở phía Tây Thành, bàn luận Pháp hóa. Mới đầu có mưa nhỏ, sắp sửa thấm ướt, Sư bèn nhiếp tâm nhập định, liền đó, mây tan trăng tỏ, mà đốt lòng bàn tay năm ngón như tàn đuốc hết, bỗng nhiên mỗi ngón tự mọc dài ra ba tấc, màu trắng sạch như ngọc kha, tợ như tuyết. Các hàng tăng

ni đều bảo nhau rằng: “Sau khi Bồ-tát thị tịch, xin nguyện được thỉnh Xá-lợi, xây tháp cúng dường”. Sư liền dùng miệng cắn đứt cốt xương năm ngón tay vừa mọc ra, nhả thí đại chúng và bảo rằng: “Hãy xây tháp cúng dường”.

Đến ngày mười bốn tháng bảy, bỗng có một tiếng động lớn, như đất trời rung chuyển, người vật thấy đều kinh hãi. Ở trên hư không hoặc thấy các hình tướng như chó, dê, rồng, rắn, quân lính, khí vật v.v... chỉ hiện ra trong thời gian ngắn, rồi liền tan biến. Có người đem việc ấy hỏi Sư. Sư bảo: “Điều đó không có gì đáng lo, đó là Tam-muội đánh thức ngủ sâu, nay tôi muốn xả bỏ báo thân, hãy sắm sửa các vật cúng!”. Khi đó, có Thiên sư Đạo ở chùa Hiếu Ái là bậc Đại đức lão niên, giới hạnh thanh tịnh khổ tiết, xả thí tích tượng sáu Độ và chần đắp mâu tím đem dâng tặng Sư. Vào lửa càng mạnh làm. Sư từ xa đưa tặng áo nạp loang lỗ, ý nguyện muốn tùy thân. Khi đó người vật ồn ào nhiễu động, cúng thí tài vật chất như núi. Ban đầu không biết vật của hai Đức đưa tặng. Đến sáng sớm ngày hôm sau bỗng nhiên, Sư bảo thị giả là Sa-môn Pháp-đà rằng: “Ông đến lấy tích tượng, chần đắp mâu tím và áo nạp ca-sa của Thiên sư Đạo đến đắp mặc cho ta”. Xong rồi, Sư bèn đến chỗ thiêu thân. Lúc đó, các hàng Đạo tục có hơn mười vạn người che kiệu mà khóc. Sư bảo: “Chỉ nên giữ tâm Bồ Đề, nghĩa là không khóc”. Sư liền bước lên tòa cao, giảng pháp cho chúng nghe, và luôn luôn đưa mắt nhìn lâu củi, vui vẻ cười một mình. Sư bèn nằm nghiêng hông bên phải, đều không hơi thở, tướng trạng như tượng gỗ. Rồi Sư ngồi dậy bảo rằng: “Thời sắp đến”, bèn đưa chân xuống và bạch với chúng tăng rằng: “Phật pháp khó gặp, nên cùng hộ trì”. Trước nơi phía Đông nam huyện Đô Thành, chất củi nhiều lớp làm thành lâu cao đến mấy trượng, phía trên làm một cái thất nhỏ bằng cỏ khô, dùng dầu tẩm vào đó. Sư thắp bước lên lâu, nhiễu quanh ba vòng, lễ bái khắp bốn phía rồi bước lên trên, tựa lan can nhìn xuống, bảo mọi người tụng Bát-nhã, có Thích Chủ là Vương Tuyển sợ rằng: “Nếu ta phóng lửa tức là thiêu đốt Thánh nhân, sẽ phải chịu tội trọng”. Sư thâm biết điều đó, bèn gọi Vương Tuyển lên lâu, đưa cánh tay xoa đánh đầu Vương Tuyển và bảo rằng: “Ông chớ lo sợ làm lâu củi này sẽ đắc tội. Đây thật là phước lớn!”. Sư bèn thúc giục bảo chân lửa, mọi người đều sợ không dám châm nên đặt lửa dưới đất, Sư dùng cánh tay cắp lấy đuốc, trước tiên đốt ở phía Tây bắc, kế đến là phía Tây nam. Cỏ khô thấm tẩm dầu bùng bùng bốc cháy. Ở trong lửa dữ, Sư phóng lửa thi thiết lễ bái, đến lạy thứ hai, thân mặt Sư bị cháy, Sư lại lạy thêm một lạy nữa, thân Sư ngã trên than, đến lúc củi tàn lửa

tất, xương thịt Sư đều cháy hết, chỉ còn lại một quả tim màu đỏ và ứt, gan, ruột, lá lách, dạ dày còn tự liền nhau. Lại dùng thêm bốn mươi xe củi để thiêu đốt. Ruột và lá lách tuy cuộn lại, mà trái tim vẫn còn y nguyên. Pháp sư Đoái mới bảo nhật lấy đem đến an táng dưới tháp. Đến nay hiện còn trong chùa Bảo Viên.

Lúc đầu, khi chưa tự thiêu thân, có người hỏi Sư rằng: “Bồ-tát thị tịch, xin nguyện ứng hiện điềm lành!”. Sư bảo: “Thân ta có thể cháy hết nhưng tâm (tim) ta không hề hư hoại.” mọi người cho rằng: “Tâm thần không hình tướng thì chẳng do đâu mà đốt tan. Về sau, trái tim Sư vẫn còn, mới biết trước hiện lưu lại một tâm không hư hoại. Nhưng Sư từ thuở bình sinh mãi đến lúc thị tịch, từng hiện các tướng lạ có đến mấy mươi điều. Từng có một nhà nợ sắp thọ giới. Tự nhiên vô cớ, Sư cười, bảo rằng: “Sắp xả bỏ vật báu, sinh nghi lo ư?” Mọi người han hỏi, có người phụ nữ họ Dương muốn cúng thí xoa bạc, nhưng sợ người chồng quả trách. Nhân đó mà quyết xả thí. Có Sa-môn Phật Dữ ở chùa Hiếu Ai rất thích ăn uống, trôi lăn trong thế tục, nhân đi theo sau kiệu Sư mà tự phát nguyện rằng: “Ngày nay gặp được bậc Thánh, xin thệ nguyện dứt bật rượu thịt.” Đến lúc về lại chùa, thấy có một người thân màu vàng bảo Phật Dữ rằng: “Ông hãy dứt bật việc ăn thịt, đó là rất tốt. Nếu ông ăn thịt của một chúng sinh, tức là ăn thịt của tất cả chúng sinh. Nếu lại còn ăn tức ăn thịt của hết thầy cha mẹ bà con thân quyến, nếu muốn ăn thịt tức đang như trùng ở trong thầy chết, vì trùng tức là thịt”. Lại bảo: “Có sáu thời niệm lành rất tốt, nếu không thể đủ cả sáu thời mà chỉ một thời cũng tốt. Cứ như thế, chỉ một niệm tại tâm cũng tốt và đều có công năng diệt trừ tội ác!”. Thấy ngôn từ ấy chân chánh, lời câu hòa nhã, Phật Dữ sắp muốn đến hỏi, chỉ giây lát bèn ẩn mất. Từ đó, Phật Dữ dốc lòng tinh tấn đi nhiều quanh tháp mà niệm tụng. Lại nghe giữa hư không có tiếng bảo rằng: “Ông siêng năng trì trai, nguyện cho chúng sinh chẳng bị ăn thịt. Lại khiến cho thân ngọc quý thường được no đủ. Xem xét sự cảm hóa ấy tất cả đều do năng lực của Sa-môn Tăng Nhai.”

Khi ngài (Tăng Nhai) mới lên lầu củi, có Sa-môn Tăng Dục ở tại cửa chùa Đại Kiến Xương thấy có ánh sáng lửa cao bốn, năm trượng, rộng ba-bốn trượng từ đất nổi lên xung thẳng bên cạnh lầu, lầu sau mới tắt. Lại nữa, trong ngày mới thiêu, có Đại đức Sa-môn Bảo Hải ở chùa Châu hỏi rằng: “Cùng là một thứ lửa, vì sao Bồ-tát chịu đựng sự thiêu đốt mà không có sự đau khổ?” Sư đáp: “Chúng sinh vì có tướng nên đau khổ”. Lại hỏi: “Thường nghe nói rằng: “Thay thế chúng sinh chịu khổ

“, là thật có chẳng?” Sư đáp: “Đã khóc Tâm thay chịu, cơ sao không được.” lại hỏi: “Bồ-tát tự thiêu thân, chúng sinh chịu tội nóng đốt, mỗi tự chịu khổ, vậy làm sao thay thế được?” Sư đáp: “Giống như đốt tay một niệm căn lành thì có công năng diệt tội ác, há chẳng phải thay thế ư?”

Khi ấy, có Pháp sư Phổ lại hỏi Sư rằng: “Có hai người tranh luận Đại Nghĩa, cuối cùng chưa dứt khoát. Một người bảo là “Trí Phật duyên với lý Vô tướng, lý là duyên cảnh, Trí là Năng duyên”. Còn một người bảo là “Trừ điên đảo, dứt loạn tưởng, tức là Chân Đế.” Vậy thế nào là Định?” Sư bảo: “Phật tức là Vô tướng, không khác với Di tướng.” Pháp sư Hải nói rằng: “Phật tức Vô tướng, tướng của Vô tướng vốn không Di tướng. Nếu như vậy thì Bồ-tát tức là Thích-ca, Quán Âm.” Sư bảo: “Ta là phàm phu, thế vào địa ngục chịu khổ thay chúng sinh, nguyện giúp cho họ thành Phật.” Pháp sư Hải nói: “Chư Phật xưa cũng có nguyện ấy, vì sao đã thành Phật từ lâu rồi?” Sư đáp: “Phật xưa cứu độ chúng sinh trong một thời đã hết”. Lại hỏi: “Các bậc Thánh như Bồ-tát Dược Vương, v.v... vì sao đã thành Phật, riêng Bồ-tát nay còn chưa thành Phật mà cứu độ chúng sinh thì là khác đường với Phật xưa rồi?” Sư đáp: “Chúng sinh ở đoạn trước đã được ý của Bồ-tát Dược Vương, còn chúng sinh ngày nay chưa được ý của ta. Do ta mới giáo hóa, như hoa sắp rơi.” Sư ứng đối suốt một thời đều đại loại như thế. Rồi, Sư bèn bảo thị giả là Sa-môn Trí Viêm rằng: “Sau khi ta thị tịch, khéo nên cúng dường người bệnh, đều khó lường biết được cội gốc ấy, phần nhiều là Chư Phật, bậc Thánh nương phương tiện ứng hóa, nếu tự chẳng phải là Đại tâm bình đẳng, thì làm sao có thể cung kính? Đó là thực hành, ngồi ở trong nghi, Tăng Nhai tôi chẳng phải là bậc Thánh.” Bèn gọi đích danh người ấy bảo: “Chư Phật xuất hiện nơi đời, hình tướng không có cố định, hoặc là thân hình xấu xí lắm bệnh, cho đến thân hình súc sinh các loài thấp kém. Đàn Việt phải thân trọng, chớ nên khinh thường”.

Đến lúc sắp động lửa, mọi người đều thấy các tướng kỳ lạ, hoặc thấy lọng tròn che phủ lấy Sư. Có ba Đạo nhân đứng trên lọng ấy. Hoặc thấy ánh sáng năm màu như hình tượng người ở bốn phía cửa. Hoặc thấy trên lầu cử như mặt trời ló dạng và rải các hoa như mưa, lớn thì như học hai đấu, nhỏ thì như miếng vú chuông, năm màu đan xen lẫn lộn bay xuống, hứng lấy chẳng phải một, căn xúc chạm đến đều tiêu tan. Lại nghe có tiếng trống lớn ù ù sâu xa, hồi lâu mới dứt. Sau khi Sư thị tịch, tại huyện Bì có người ở bên sông Bì thấy giữa hư không có kiệu Do Lạc, Sư ngồi trên đó, thân mặc áo nạp loang lỗ màu vàng, riêng hở

vai đắp chặn màu tím, tay cầm tích tượng, phía sau có năm, sáu trăm vị tăng đều che tán trúc, nường giữa hư không theo hướng Tây mà ẩn mất. Lại có Sa-môn Tuệ Vinh trụ chùa Long Quả ở Đồng Châu, nhân vì Ngài (Tăng Nhai) thị tịch bèn lập Đại trai hội cúng dường trong chợ cũ. Khi chưa thọ trai, bỗng nhiên trông thấy mây đen từ hướng Đông nam bủa đến ngăn che mặt trời, tối thắm trai hội. và có hai con rồng, đuôi năm màu rõ ràng, dài năm thước, ngắn cũng sáu tấc. Lại rải mưa các thứ phướn hoa như mưa, khói hương khắp giữa hư không lẫn lộn. Đại chúng đều trông thấy. Lại lúc mới, thâu xá-lợi quả tim của Sư đưa vào trong chùa thường trụ thì đều thấy hoa nhóm hợp rất nhiều, sáng đẹp cả sân nhà.

Lại có Sa-môn Tuệ Thắng ở chùa A-ca-nị-tra, bị bệnh nằm trên giường, không thấy được Sư thiêu thân, trong lòng buồn bã. Mộng thấy Sư dẫn một vị Sa-di cùng đến, dùng khăn bọc ba hộc hương và mặt vụn Chiên-đàn chia thành bốn nhóm dùng nhiều quanh nơi Tuệ Thắng và châm lửa đốt hương. Tuệ Thắng kinh sợ nói rằng: “Tôi là kẻ phạm phu, chưa dám thiêu thân”. Sư bảo: “Không nên khiếp sợ, đây chỉ dùng để xông trừ bệnh”. Khi tro nóng đã hết, liền cảm thấy mạnh khỏe, lại thỉnh cầu Sư hiện điềm lành. Sư bảo: “Ta ở tại Ích Châu, già gọi tên là Tăng Nhai, kỳ thật tên ta là Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu bảo Tạng”. Tuệ Thắng sau khi tỉnh giấc, sức mạnh gấp bội thường ngày. Có lúc ở ngoài thôn ấp, vì Ngài (Tăng Nhai) mà thiết hội, Tuệ Thắng tự xưng dẫn rằng: “Ở Đồng Châu phước trọng, các hàng đạo tục đều thấy điềm lành. Còn chúng ta v.v... tội chướng sâu dày, không được thấy gì!”. Ngay sau câu nói ấy, có cả ahi trăm người đều thấy hoa trời như tuyết lẫn lộn đầy trời ánh ngời mặt trời mà rơi xuống. Đến lúc thọ trai bữa trưa xong, hình dạng hoa dần lớn như chiếc mâm bảy tấc, đều biến thành màu vàng ròng, sáng lòa chói mắt. Bốn chúng đua nhau hứng lấy, nhưng đều không hứng được, hoặc có người men theo cây leo lên cao, nhìn muốn lấy đó, như hoa đều bay lên.

Lại nữa, dân chúng ở Thành đô, có Vương Tăng Quý, sau khi Sư thiêu thân, cả nhà đều dứt bặt ăn thịt. Sau do có sự cố, sắp bỏ chay tịnh, riêng tự bình luận. Khi đó đang lúc canh hai, bỗng nghe ngoài cửa có tiếng gọi “Đàn việt!” Lúc ra mở cửa, thấy một Đạo nhân bảo rằng: “Hãy cẩn thận chớ ăn thịt”. Nói trong tâm tình chua xót, dù đi dù khóc, Vương Tăng Quý bèn đuổi theo sau, dường như gần mà xa, rồi bỗng biến mất. Lại nữa, sau khi Sư thiêu thân, đến tháng tám, có người thợ săn tên là Mâu Nan Đang đến đánh núi Tụ Kịu để săn bắn, cầm tên

gương nở, đưa mắt nhìn theo con nai, bỗng thấy Sư cười trên thân một con hươu cao cổ màu xanh. Mâu nan Đàng kinh hãi bảo: “Ông đã thiêu thân chết tại Ích Châu, cơ sao nay lại ở đây.” Sư bảo: “Ai nói dối người vậy? Người có thể thiêu thân, không nên săn bắn, vì mắc tội. Người phải siêng năng dốc sức làm ruộng đi.” Nhân đó bèn bỏ đi.

Lại đến mùa đông, con của anh Sư ở trong kho nước, bỗng nghe trong hang núi có tiếng ồn ào náo động như có số người đông đến mấy muôn, bèn đưa mắt nhìn, thấy Sư có hai vị tăng đi theo, tay chống tích trượng mà đi, nhân đó, đuổi theo kịp được Sư, muốn nắm lấy áo ca-sa. Sư bảo: “Sao người nhọc đuổi theo ta làm gì?” Bèn chỉ heo gà ở trước khe nước bảo rằng: “Những âm thanh ấy đều có giải thích, như tiếng nói của người, v.v người khác không hiểu. Ngôn âm của các nước khác, người cũng không hiểu. Người và vật tuy khác nhưng đều có Phật tánh. Chỉ vì nghiệp ác, cho nên phải chịu thân hình ấy. Người chỉ nên dốc sức làm ruộng, chớ chứa nuôi các loài cầm súc!”. Sư nói trong ý tứ ủy thác khắp cùng.

Nên, Sư luôn luôn hiện hình, dự biết ý Sư, đại loại đều như vậy, đầy đủ như trong Sa-môn Vong Danh Tập, và “Tam Bảo Lục” của Phi Thị, và “Ích Bộ Tập Dị ký”.

3- Truyện ngài Thích Phổ Viên ở Ung Châu, thời Bắc Chu:

Thích Phổ Viên, không biết Sư là người xứ nào. Nghe nói thì dường như Sư ở Hà Hải. Đầu thời Bắc Chu, Sư đến Tam Phụ, dung mạo Sư khôi ngô, thân tướng cao lớn, nói năng rộng thoáng, rất có thần thái của bậc Trưởng phu. Sư đi khắp nhiều Danh sơn sông lớn, thường lấy hạnh đầu-đà làm chí ý, ưa thích hành từ cứu giúp lấy sự ích lợi làm đầu. Nếu có người tìm đến, Sư liền vì cấp dẫn chỉ dạy, nêu bày ngôn ngữ hành vi cần yếu, khiến vâng theo khổ tiết. Sư chuyên tụng Kinh Hoa Nghiêm, ngâm lắng tướng âm thanh, không người nào biết, có vị đệ tử hầu độc, sau nhân đó mới biết. Nhưng Sư thường ngồi nơi giường dây, nghiêm chỉnh hình dung, an trú trong Định, Dụng tâm càng đến cùng, không còn nhận biết đã trải qua sáng tối.

Có thời gian, Sư đi khát thực, tạm đến trong xóm ấp, Sư thường nương nghỉ nơi rừng hoang mờ mả, lấy sự tĩnh lặng để tư duy. Ban đêm có con Quỷ sức mạng, thân hình rất đáng sợ, có bốn mắt, sáu răng, tay nắm gậy cong, lông trên thân mình rủ xuống đi thẳng đến trước mặt Sư. Sư trừng mắt nhìn nó, không tỏ vẻ khiếp sợ, không bao lâu, quỷ bèn rút lui. Đại loại như thế chẳng phải chỉ một lần. Lại có người ác tìm đến

chỗ Sư xin cúi cái đầu Sư, Sư sắp chặt đầu mình mà cho thì kẻ ấy lại không chịu lấy, mà lại xin trông mắt Sư. Sư liền móc mắt cho, kẻ ấy lại theo Sư đòi xin cánh tay, Sư bèn dùng dây buộc cổ tay vào cây, chặt đứt ngang khủy tay mà cho, ngắt xỉu ngã xuống đất, người trong làng đến sáng mới nghe biết, nhân đó, Sư thị tịch tại sông Phiền thuộc phía Nam ngoại ô. người trong các xóm ấp buồn thương đức tánh khổ hạnh ấy, tranh nhau muốn thâu nhặt để an táng, mọi người bàn nghị không dứt quyết, bèn phân thi thể Sư thành nhiều đoạn, mỗi làng tự xây tháp cúng dường.

4- Truyện ngài Thích Phổ Tế ở núi Chung Nam:

Thích Phổ Tế, Sư là người xứ Bắc Sơn Hồ thuộc Ung Châu. Lúc mới xuất gia, Sư nương tựa Thiền sư Viên, luôn theo nghi quỹ hành pháp, ở một mình chốn núi rừng hoang vắng, chẳng hề nghỉ lại trong nhà người thế tục, Sư thường ngồi kiết già tu thiền, mãi đến lúc tuổi già, nương nấu nơi hoang vắng, Sư chẳng sợ hổ báo. Tuy du lãng ngoài vật, mà tay Sư không hề rời quyển kinh. Sư thường đọc tụng kinh Hoa Nghiêm, y cứ vào kinh mà kết hạnh nghiệp. Từ khi Phật pháp bị hủy diệt, Sư bèn đến các núi Thái Bạch, v.v... Đi không mang theo lương thực, cứ đứng thì ăn dùng cỏ lá, nhai nuốt uống ăn đều không bị bệnh hoạn. Sư tự lập nguyện đến lúc Tượng giáo được phục hưng thì xẻ thân để cúng dường. Sư tu theo hạnh Phổ Hiền, sinh về cõi nước Hiền Thủ. Đến đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, Phật giáo lại được mở mang hưng thịnh. Sư suy nghĩ ước nguyện đã mãn, nên theo việc xả bỏ báo thân, bèn dẫn chúng nhóm họp nơi sườn núi phía Tây của hang Thán, phát thệ nguyện rộng lớn, gieo mình xuống vực sâu tự vẫn. Mọi người từ các phương xa tìm đến đông chật cả hang núi, bèn xây tháp trắng nơi đỉnh núi cao để phụng thờ.

Gần đây, khoảng đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, có Sa-môn ở núi tên Phổ Tế. Ngài lập tiết tháo mạnh mẽ, trinh thuần bền bỉ. Sư thường đi khắp các danh sơn, tập tụng kinh điển, với các Kinh Đại Phẩm, Pháp Hoa là các kinh sư thông hiểu. Hễ lúc nào đến nơi nhóm tập thì phần nhiều Sư tụng hai bộ kinh ấy. Nhưng tùy ăn cú, có lúc Sư phải giải thích lại, hơi tiếng của Sư vang khắp cả một dặm, nên khiến trong chúng đông khoảng mấy muôn người không ai chẳng được nghe. Vào niên hiệu Võ Đức thứ mười tám (?) thời Tiền Đường, Sư từ Phương Tây đến Quan nội, khi ấy Sư trải qua các Ấp lạc rồi về ở rừng vắng. Đến niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời Tiền Đường, độ tăng

xuất gia, lúc đó, vì Sư không quê quán nên xếp vào Sổ công, trụ chùa Quang Minh ở kinh đô, chúng nhóm họp như núi kết, ưa thích nghe yếu chỉ kinh pháp, Sư khốn khổ bởi sự ồn ào nhiễu loạn đó, bèn để lại Tên mà trốn đi. Chẳng biết Sư đi đâu. Có người nói hiện nay Sư ở tại núi Chung Nam ngồi một mình nơi hang sâu thẳm, bên cạnh có nhiều núi quả, cần thì mang trở lại, nhưng trở lại truy tìm, thì mất đường đến.

Tôi (Đạo Tuyên) từng hội tụ, chính mắt thấy người ấy, áo mặc thì trăm mảnh kết với nhau. Bình bát thì vừa đủ thọ dụng, gánh múc nước tưới rửa thì bằng bình đất, dây gai buộc cổ. Ngồi thì tựa vào cỏ, hông không chạm đất, khoẻ mạnh quả cảm, ngủ nghỉ chẳng khi thường, tiết ước kiệm thối, giặc lợi ngấm vết, lời nói ý chỉ, lấy sự biết đủ làm đầu. Bàn trao chánh nghĩa, y như thực hành làm tối trọng. Do đó ở nơi một chỗ ngồi giảng pháp mọi sự thí cúng chất chứa như núi mà Sư không hề đoái hoài để ý, mặc tình giao phó xem xét. Sư lại suy nghĩ rằng: “Cái thuộc thành thì năm thứ Dục là cội gốc. Nay ta sức lực đã suy yếu, không nên tự vui lấp!”. Và bèn trốn đi.

5- Truyện ngài Thích Phổ An ở hang Ngạnh Tử, núi Chung Nam:

Thích Phổ An, họ Quách, người ở xứ Kinh Dươn thuộc Kinh Triệu. Thuở nhỏ, Sư nương tựa Thiền sư Viên xuất gia. Sư luôn khổ nhọc tiết chế thực hành hạnh đầu-đà, xả bỏ mọi việc thế gian, tánh Sư hòa nhẫn, chẳng hề mừng oán quá lắm. Hoặc thay thế giữ làm mọi việc mệt nhọc, chịu các cần khổ, mà tâm tình cam chịu, sợ việc ấy cùng tận. Về sau, Sư đến chỗ Pháp sư Ái, học thông ba Tạng, thường chuyên về Kinh Hoa Nghiêm, Sư đọc tụng thiền quán tư duy, lấy đó làm nêu phông.

Đến lúc thời Bắc Chu phá diệt Phật Pháp, Sư bèn đến gá ẩn tại sườn núi phía Tây hang Ngạnh Tử ở núi Chung Nam, nơi rừng sâu tự che chở, làm gương cho đời. Tiết tháo thanh khiết như sỏi đá, nổi gót Do phủ. Sư lại dẫn Pháp sư Tĩnh Uyên đồng đến dừng ở nơi rừng hoang, mở bày giải thích sâu mầu, đỡ giúp tiếp nối huyền lý. Thêm vì Sư vâng theo thi hành khổ hạnh, quên thân vì chúng sinh. Hoặc để trần hình hài nơi cỏ rậm thí cho các loài muỗi nhặng, máu chảy khắp thân, mà chẳng tỏ vẻ lo sợ. Hoặc gượng nằm lẫn lộn giữa các cây chết để bố thí cho các loài hổ báo, tuy đến nhưng chỉ ngủi mà chẳng ăn. Sư thường lo nghĩ phân vân, chẳng hợp với tình nguyện, bèn một mình giẫm theo vết chân thú, mong nó gặp mà ăn.

Bấy giờ, đất trời đã bít lấp, Tượng giáo đang mờ tối. Quốc lệnh

nghiêm trọng không chấp thuận lánh nạn. Các bậc danh đức ở Kinh ấp có hơn ba mươi vị tăng, trốn lánh tại núi Chung Nam, không nơi nương náu. Sư bèn mời gọi tất cả những người có tâm ấy ở khắp châu bãi đến nơi sâu kín an ở. Còn tự mình Sư hiển bày, thân hành cầu xin chẳng sợ luật nghiêm giết hại, nên có được các thứ ăn mặc đầy đủ, hạnh nghiệp tu trì không phế bỏ. Trong đời loạn lạc mà biết được kẻ sĩ, thì Sư chính là người ấy! Bây giờ, lại có chiêu mộ nếu ai bắt được một vị tăng sẽ được ban thưởng mười vật. Có người ứng theo sự chiêu mộ ấy đến muốn bắt Sư. Sư liền an ủi dẫn dụ rằng: “Xem ông rất khốn khó, đang muốn được giúp đỡ!” Sư bày thức uống ăn rồi cùng vào kinh đô. Vua nói với người ấy rằng: “Nước ta pháp luật nghiêm kíp không chấp thuận cho Đạo nhân ở trong Dân gian, Người lại thậm giúp không cho Đạo nhân ở trong núi, nếu người sai khiến người ấy đến ở xứ khác thì được sống”, nên thả vào trong núi chẳng cần phải xem xét. Lại có kẻ bề tôi thời Bắc Chu là Liễu Bách Trạch vâng sắc đến nương tựa ở núi để tìm bắt các vị tăng lánh nạn, có Đảng báo rằng: “Trong cốc Ngạnh Tử có Đạo nhân Phổ An”. Nhân đó bắt lấy, cùng dẫn Sư đến. Liễu Bách Trạch bảo với Đảng rằng: “Ta không được thấy”. Nên liền được thả trở về. Từ đó Sư tự nhiên trở về lại chỗ cũ. Trước sau gặp nạn, Sư không hề ẩn trốn, mà đều được thả, đại loại đều như vậy.

Bấy giờ, Pháp Sư Ái lánh nạn đang ở nhà Đỗ Anh Thế ở Nghĩa Cốc, đào hang ẩn tàng trong đó. Sư nhân được thả trở về, bèn đến hầu thăm kính lễ. Pháp Sư Ái bảo rằng: “An Công rõ ràng thông hiểu Phật Pháp, chưa được khoan dung lắm, mà thần chí vượt trội khác thường, chẳng trốn lánh những cấm ngăn mạnh dữ, vì khó kịp!”. Sư nói: “Ngày nay được thoát nạn, đó đều nhờ năng lực của Kinh Hoa Nghiêm, tất cả mọi sự mong cầu chí thành thì không gì chẳng được toại ý!”. Nhân đó, Sư thỉnh Pháp Sư Ái trở về núi, và Sư gần gũi tự lo liệu. Mọi người khắp bốn phương xa nhân Phong hạnh của Sư mà tìm đến chẳng phải chỉ một vài vị. Pháp Sư Ái mới cùng Sư lại mở rộng chỗ ở, đầy đủ như trong Biệt Truyện.

Đến lúc Vua Văn Đế (Dương Khiêm) đời Tùy lên ngôi (581) Phật pháp trở lại được mở mang hưng thịnh. Rộng chiêu mộ những vị tăng còn lại y theo xưa mà an trí. Bấy giờ, chỉ một hang Ngạnh Tử mà còn hơn ba mươi vị tăng ứng chiếu xuất gia và đều trụ ở chùa Quan. Chỉ riêng một mình Sư trở về lại, chẳng vì danh tiếng vẻ vang, nương tựa núi cũ ở giữa rừng hoang. Bấy giờ, có lúc Sư đến trong thôn ấp xóm làng, ban tạo mọi điều ích lợi cho sinh linh, hoàn toàn nương nghỉ nơi

khói mây, chẳng giao tiếp với thế tục. Về sau, có người đến nơi hai hang Tý Ngọ và Hồ Lâm ở bên cạnh khe suối đục khám làm am, thỉnh Sư cùng đến trụ ở đó. Lúc đầu, Sư đến dừng ở nơi khám mới một ngày, phía trên có một tảng đá lớn ngay chánh giữa khám, sợ nói bị rơi nên đào ra, gạt đẩy núi cao rơi đổ xuống. Sư tự tâm niệm rằng: “Nguyện dời đến chỗ khác, chớ nên vỡ nát khám hạng”. Đá bèn y theo lời Sư lánh đến nơi. Đại chúng đều lấy làm lạ. Sư bảo: “Đó là do năng lực của Kinh Hoa Nghiêm, chẳng đáng lấy làm lạ! Lại ở phía Đông Khám bên trái vách đá khe suối có Sách đầu-đà là người đi cùng khắp nơi, tung hoành chẳng phải một, ngầm ganh ghét đức hạnh của Sư, thường nghĩ muốn giết hại. Bèn cùng ba người bạn mang theo cung tên, cấp mũi nhọn, cánh tay kéo cung sắp muốn phóng tên mà tên chẳng lia khỏi dây cung, tay trương giá cung không nghĩ, trợn mắt đờ lưỡi đứng sững qua đêm, tiếng tâm chấn động, mọi người xa gần đều nhóm họp, người trong làng cúi đầu qui kính, chí thành cầu xin cứu giúp. Sư bảo: “Tôi hoàn toàn không biết, há chẳng phải do sức thần của Kinh Hoa Nghiêm ư? Nếu muốn trừ khỏi chỉ nên bảo sám hối, đúng như lời chỉ dạy đó mới mong thoát khỏi. Lại nữa, tại làng Ngụy ở phía Tây khám có Trương Huy là người sớm dấy niệm ác, chuyên trộm cướp để kiếm sống. Ban đêm đến chỗ Sư lén lấy bình dầu cúng Phật, chiết lấy năm thăng mang trên vai mà đi ra. Đã đến nơi cửa viện, tự nhiên mê hoặc mất hẳn bốn tánh, như bị trói không thể cử động. Quyến thuộc và người trong làng đồng đến sám tạ cho. Sư bảo: “Tôi không biết, bởi do năng lực của Kinh Hoa Nghiêm. Nên khuyên bảo sám hối, hoàn trả lại bình dầu”. Bèn y theo lời ngài mà thực hành nên được thoát khỏi. Lại nữa, ở phía Nam khám, có Trương Khanh đến trộm tiền của Sư để trong tay áo mang đi, đã về đến trong nhà, trút lấy mà không ra, miệng cứng đờ không nói được. Trương Khanh liền tìm đến chỗ Sư cầu xin sám hối, trở lại đường mà lui về.

Tại làng Trình Quách, có Trình Huy Hòa là người rất nghĩ nhớ tin theo, từng đến chỗ Sư nghe nhận Pháp yếu. Vì bị bệnh nên thân chết đã hai đêm, buộc thi thể để dưới đất, sắp tẩm liệm. Trước đó, Sư đến huyện Ngạc, trên đường trở về, Sư đến chùa Đức Hạnh ở phía Tây Nam, từ phía đông cách thôn của Trình Huy Hòa ở khoảng năm dặm, từ xa kêu “Trình Huy Hòa! vì sao không thấy đến đón rước ư?” Sư kêu gọi liên tiếp như thế không dứt. Có người đang làm ruộng báo rằng: “Trình Huy Hòa chết đã lâu rồi, làm sao đến đón rước được?” Sư bảo: “Đó là lời nói xằng, tôi không tin.” Sau đó, đến làng ấy, Sư lớn tiếng gọi, Trình Huy Hòa bèn nhúc nhích thân mình. Các người thân ở bên cạnh liền cắt

bỏ các dây trói, Sư bước vào trong sân, lại lớn tiếng gọi như trước, Trình Huy Hòa liền vùng bật dậy lăn lóc đến chỗ Sư. Sư bảo vất bỏ tất cả mọi thứ hòm rương vật dụng tầm liệm, lại dùng một sọt tre để làm tòa Phật và bảo Trình Huy Hòa đi nhiều quanh. Sau đó, được bình phục như xưa. Lại sống thọ thêm hai mươi năm. Sau, lại bị bệnh nặng, đến cầu xin Sư cứu giúp. Sư bảo: “Thả người đi khắp nơi, ta chẳng biết được”. Nhân đó mà Trình Huy Hòa qua đời. Bấy giờ, tiếng tăm Sư vang xa, các hàng đạo tục về vang nhờ ơn rất nhiều trường hợp như vậy và đều đến thỉnh yết. Sư tạo lập phước hội, thường có cảm thông. Ở đây chỉ lược nêu một hai việc.

Tại làng Bạch ở phía Bắc hồ Côn Minh, có một bà mẹ già bị bệnh nằm liệt trên giường gối, mất âm tín đã trăm ngày, bảo các người con muốn được thấy hình bóng Sư. Hiểu được ý của mẹ, các người con thỉnh Sư đến nhà. Người mẹ đang bị bệnh được trông thấy, bất chợt tụt xuống đón rước, nói năng đi qua đi lại tự nhiên như ngày thường, bệnh liền lành hẳn. Khi đó tiếng tăm Sư lại càng vang xa. Mọi người trong làng nhóm họp, mỗi người mang theo các thứ âm nhạc đi quanh từng nhà để mách bảo, muốn lập trai hội lớn. Trong làng Đại Vạn có gia đình Điền Di Sinh có bốn người con gái. Người vợ Điền Di Sinh chỉ mặc vải bố thô xấu và ngăn ngang đầu gối mà thôi, bốn người con gái để mình trần trụi không một mảnh vải. Người con gái lớn tên là Hoa Nghiêm, đã hai mươi tuổi, chỉ có một tấm vải bố thô xấu dài hai thước, định sung vào bố thí. Sư dẫn chúng trong làng lần lượt đến nhà ấy, thương xót nhà ấy nghèo khổ bèn đi ngang qua mà không vào. Người con gái lớn tự nghĩ rằng: “Do ta nghèo hèn, không đến phước hội, nay lại chẳng tu, về sau sẽ khổ còn hơn như vậy.” Bèn lục lọi khắp cùng để tìm kiếm vật, nhưng xét xem chẳng có được vật gì, nên giữa mặt buồn khóc, bỗng thấy trên rui ở mái nhà có một bó cây kê lẫn lộn dùng để bít lỗ hổng ánh sáng, bèn kéo xuống và lượm được hơn mười hạt thóc, liền lột thành gạo. Đồng thời đem tấm vải bố trước để tùy hỷ cúng dường. Vì thân không có áo mặc nên đợi đến đêm tối mới đến chỗ hội cúng, đem vật muốn cúng thí ấy từ xa để vào chỗ chúng tăng. Còn hơn mười hạt gạo ấy thì dâng cúng để nấu cơm. Nhân đó, phát nguyện rằng: “Con là thân người nữ mắc nghiệp báo nghèo cùng do từ lâu đã gieo trồng nhân xấu. Nay dốc hết sự nghèo cùng để làm cúng thí, mong cầu phước báo cho tương lai”. Và liền đem hơn mười hạt gạo vàng ấy để vào trong nồi nấu cơm, và nguyện “nếu thật sự chí thành thì nghiệp nghèo nàn sẽ hết, thì xin nguyện nồi cơm nấu chín đều biến thành mầu vàng. Nếu không được

chiêu cảm thì đành chịu, chẳng biết làm sao”. Khi ấy, cả năm thạch gạo nấu cơm trong nồi đều biến thành màu vàng, Đại chúng kinh hãi khen ngợi, chưa biết nguyên do thế nào, nên tìm xét khắp các duyên cớ. Sư bèn bảo: “Đó là do nguyện lực của con gái Điền Di Sinh!”. Sau khi trai hội hoàn tất, có được mười斛 thóc, Sư dùng để cứu giúp cho gia đình ấy. Sư sắm sửa Pháp y và bèn độ cho Hoa Nghiêm xuất gia, đưa vào ở chùa tại kinh đô, về sau tiếng tăm vang xa, hoàng ngộ khó trình bày.

Sư cư xử tuy trầm ẩn mà thường thực hành từ bi cứu giúp. Hằng năm ở hai xã giết hại máu thịt cúng tế rất nhiều, Sư đi khắp cùng thực hành cứu chuộc, khuyên tu pháp nghĩa. Mọi người không còn giết hại, trong thôn ấp số ấy chẳng ít. Từng có việc trong làng bên cạnh khám trói ba con heo, sắp giết hại, Sư nghe thế bèn đến chuộc. Người trong xã sợ không được giết nên tăng giá đòi tiền đến mười ngàn. Sư bảo: “Bần đạo hiện chỉ có ba ngàn, đã tăng giá gốc gấp mười lần”. Xin hãy giúp cho, mọi người đều bất đồng, cùng nhau tức giận. Bỗng có một đứa bé mặc áo da dê bọc tiền trong bụng đến chỗ Hội Xã giúp Sư cứu chuộc heo. Đã thấy tranh cãi, nhân đó liền theo xin rượu, vừa uống vừa nhảy múa, xoay chuyển rực sáng, tất cả mọi người già trẻ trong xã đều bị mù mắt, bỗng chốc đứa bé bèn biến mất, không biết ở đâu. Sư bèn dùng Dao tự cắt thịt đùi của mình và bảo rằng: “Đây và kia đều là thịt. Heo ăn các thứ phần ược, mà các ông còn ưa chuộng thích ăn thịt nó, hưởng gí con người ăn cơm gạo, đáng lý phải quý hơn nhiều.” Người trong xã nghe như thế, đồng một lúc phóng thả, heo đã được thoát, bèn đi nhiều quanh Sư ba vòng, đưa mũi xúc chạm như tỏ sự kính ái. Nên khiến ở phía Tây Nam của ngoại ô trong khoảng năm mươi dặm dứt hẳn không còn nuôi heo gà. Mãi cho đến ngày nay sự cảm phát từ thiện ấy đều đại loại như thế.

Tánh Sư rất kính tin, thường trì tụng Kinh Hoa Nghiêm, chuyên trì một bát ba y, đến lúc tuổi già càng tinh tấn. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ tám (588) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) có ban sắc thỉnh Sư vào kinh đô làm thầy của Hoàng Trữ Môn. Công chúa xây dựng chùa Tĩnh Pháp, lại thỉnh Sư đến trụ ở đó. Tiếng tăm tuy ở nơi chốn Đế đô mà Sư thường nghỉ ở nơi núi non. Đến ngày mồng năm tháng mười một niên hiệu Đại Nghiệp thứ năm (609) đời Tùy, Sư thị tịch tại thiền viện Tĩnh Pháp, thọ tám mươi tuổi, Di hài Sư được đưa về an táng và xây tháp thờ ở núi Chung Nam, bên cạnh chùa Chí Tướng.

6- Truyện ngài Thích Đại Chí ở Lô Sơn thuộc Cửu Giang:

Thích Đại Chí, họ Cố, người ở xứ Sơn Âm thuộc Cối Kê. Từ thuở bé, Sư đã xuất gia, thờ Thiền sư Trí Khải ở núi Thiên Thai làm thầy. Ngài Trí Khải thấy hình tướng thân thái của Sư phóng không cao vượt ngoài vật, nhân đó mà đặt tên là Đại Chí.

Ngài lấy thiền tụng làm nghiệp chánh, tự chuyên khổ tiết. Với các bậc danh tượng ở khắp bốn phương không nơi xa nào mà Sư chẳng đến, tiếng nói của Sư trong rõ dịu dàng, nghi tướng trinh thuần, nghiêm mật, nên mọi người nhìn thấy thì biết Sư chẳng phải Phàm khí.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười (590) đời Tùy, Sư đến Lô Sơn, ở chùa Phong Đảnh, chẳng lệ thuộc vào công danh, chẳng can dự đến chúng tăng, Sư chỉ chuyên tụng Kinh Pháp Hoa, tự nhiên nhàn nhã, Sư có khả năng giảng nói lời tiếng trầm bổng rõ trong, khiến người nghe quên hết mọi mệt. Sau đó, Sư lại đến núi Liên Hoa, ở phía Nam đánh Cam Lộ, thiết lập đạo tràng Tĩnh Quán, chuyên thực hành hạnh đầu-đà, ở một mình, Sư chẳng sợ các loài cọp sói. Nghe nơi nào có loài thú dữ, Sư liền đến và gieo mình đến chỗ chúng nó, nhưng các loài thú đều lánh né chẳng dám ăn. Ở núi gạo thóc hết sạch, suốt ngày Sư quên cả sự ăn uống, hoặc có lúc chỉ ăn dùng bánh trái để duy trì mạng sống mà thôi. Nên người ngoài trông thấy không nỡ làm náo hại, nhưng Sư vẫn an nhiên, dung mạo nhan sắc vẫn như thường. Trải qua bảy năm, đạo nghiệp thiền quán Sư không hề xen hở. Về sau, Sư đến trụ chùa Phước Lâm ở núi đó.

Gặp vào niên hiệu Đại nghiệp đời Tùy, bắt giết các vị ẩn dật, nên Sư phải đổi dời ẩn dật, xót xa giáo pháp bị lấn lướt khốc tàn đến như thế, Sư bèn đổi thay sắc phục, hủy hoại hình hài, đầu đội Kinh Hiếu, dùng vải bố thô xấu làm y, vào trong điện Phật lớn tiếng gào khóc, suốt ba ngày ba đêm không dứt. Chư tăng trong chùa an ủi dẫn dụ. Sư bảo rằng: “Tôi thân vì nghiệp xấu ác mới khiến như thế này, muốn dứt hết hình hài này để làm tỏ rạng Chánh Pháp”. Và Sư bèn đến Đông Đô, dâng biểu văn tấu trình rằng: “Cúi xin Bệ hạ làm hưng thịnh Tam Bảo, tôi sẽ đốt một cánh tay ở Tung Sơn, để báo đáp ân nước nhà!”. Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) đời Tùy chấp thuận, ban sắc thiết Đại trai hội, thấy chúng đệ tử Phật đều đồng nhóm họp. Sư không ăn suốt ba ngày, leo lên gác lớn, đốt một tấm sắt đỏ bừng rồi áp vào cánh tay khiến cháy đen, lại dùng dao dứt thịt, bày ra xương cốt. Lại áp vào xương ấy cho cháy đen, mỡ trong bọc vải bố chảy xuống lửa, sáng rực cả núi hang. Khi đó, đại chúng thấy Sư khổ hạnh đều đau nhói trong

tim suốt đến tủy, chân đứng không yên, mà ngài tuy thêm lửa áp nóng, nhưng lời nói sắc mặt không biến đổi, nói cười tự nhiên như lúc đầu. Khi đó, Sư đọc tụng Kinh Pháp Cú, hoặc tán khen ngợi công đức Phật, hoặc nói Pháp cho chúng nghe, lời tiếng không dứt. Khi cánh tay đã thiêu hết, y như trước, Sư bước xuống gác, nhập định suốt bảy ngày, Sư ngồi kiết già mà thị tịch. Lúc đó tuổi Sư vừa mới bốn mươi ba tuổi.

Từ lúc mới xuất gia cho đến lúc thị tịch, ngài kết tiết tháo của thông trúc, mùa đông mùa hạ chia mặc một bộ y phục, không hề khoác mặc bông tơ lụa là, chỉ dùng vải bố ngải thô tự lấy đó làm thường, nhưng hình tướng Sư rất khôi ngô, môi như tô son, khố rủ xuống nửa đùi, chân đi giày cỏ, hơi tiếng rõ ràng, âm điệu vượt xa mây gió. Có người không biết, lấy làm lạ chẳng rõ Sư từ đâu đến. Sư vén mây mà bảo rằng: “Tôi là Tiểu Đạo Nhân Đại Chí trụ chùa Phước Lâm ở Lô Sơn thuộc Cửu Giang.” Sư lại giỏi về Văn tảo, biên từ rõ ràng tha thiết. Sư có soạn “Nguyện Thệ Văn” dài hơn bảy mươi trang giấy, lời ý muốn làm Thiện Tri Thức với các chúng sinh. Chư tăng ai bị cương ngăn khó kính tin hề thấy lời văn thệ nguyện ấy, không ai chẳng rơi nước mắt. Mãi đến nay, tại chùa Phong Đảnh ở Lô Sơn mỗi khi đến cuối năm, thấy chư tăng ở các chùa nhóm họp một đêm, tụng đọc di thệ ấy, để dẫn dắt các hàng đạo tục. Đại chúng đều chua xót kết nhận.

7- Truyện ngài Thích Trí Mạng ở Ngụy Trịnh:

Thích Trí Mạng, họ Trịnh, tên Đĩnh, người ở xứ Vinh Dương. Giòng họ Sư cao sang ưu thắng, Văn hoa rực rỡ ở đời. Sư có văn từ bén nhọn, ít người đương đầu nổi.

Lúc đầu, dưới thời nhà Tùy, Sư làm Vũ kỵ úy, chức vị ấy mỏng bạc, Sư bèn trốn quan trở về tục, đến khắp các trường giảng, hưởng đơm pháp vị sâu kín, Sư đến làm ruộng ở Ninh Châu. Vào đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) đời Tùy. Bộc Xạ Dương Tố Nhân có công việc đi đến đó, bèn đến ra mắt, cùng nói chuyện suốt ngày. Dương Tố bảo: “Trông phong vận của ông thì người thế tục chẳng thể sánh bằng, mà là bậc hiền miếu vĩ khí, hãy tìm cách chịu đựng, về sau, sẽ gọi mời”. Đến lúc Nguyên Đức làm Chức Phó, tìm kiếm các bậc Hiền giả tài năng, Dương Tố bèn đề cử Sư. Sư đối đáp nói năng tuyên truyền ứng biến chẳng phải một. Có lệnh thử cùng một lúc trao ba trăm câu đố cho Sư, Sư đáp lại không sai sót một điều, đến nỗi khiến mọi người rất kính trọng, bèn được làm Trung xá nhân, làm Quan đến Ngũ Phẩm. Đến lúc Nguyên Đức qua đời, Sư nghỉ chức quan ở đời, đi khắp nơi nghe giảng

Tam Luận, Kinh Pháp Hoa, nghiên tâm pháp vị nhiều năm, đức tin thành kính càng sâu.

Đến đầu niên hiệu Hoàng Thái, Việt Vương lên ngôi, Sư lại ra làm quan giữ chức Ngự sử Đại Phu. Đến trong niên hiệu Khai Minh thời Ngụy Trịnh, sư vẫn giữ chức vụ cũ không thay đổi, mưu sâu chước rộng, rất đáng là nơi nương cậy của nước nhà. Lúc bấy giờ, Hoàng thượng đang làm Tổng Thiên sách, ngự binh tại Tây Uyển, Lý Mật Si, Trương Nghị Cật nghỉ ở Lạc nhuế. Còn Thế Sung riêng cố nắm giữ ở một Đô thành, trong ngoài ngấm ngấm bức bách, trên dưới đều lo sợ. Sư khốn khổ với sự rối ren ấy, trong tâm tình kính mến sự xuất gia, nhiều lần thỉnh Trịnh Chứa vì nước nhà mà tu đạo. Đã không toại chí nguyện, nghĩ muốn cắt tóc chẳng phiến lụy đến luật hình. Ban đêm thì Sư thầm đọc tụng các Kinh Phương Đẳng, ban ngày thì tiếp nhận xử lý công chính. Phút chốc chẳng đổi thay, trải qua bốn mươi ngày đã tụng được Kinh Pháp Hoa, Sư thỏa thích tràn đầy cõi lòng nên quyết tâm xuất tục. Sư lại khuyến dẫn người vợ quy hướng Phật giáo. Lời nói tha thiết, đến nỗi người vợ liền y theo đó, lại giúp đỡ nhau cùng xuống tóc. Sư nói với vợ rằng: “Nguyện của tôi đã mãn, không chết mà lại sống, phải khai bạch với Trịnh chúa không nên như thế”. Bèn mặc pháp phục đi đến cửa cung, nói rằng: “Trịnh Đĩnh đã xuất gia, nên đến bái yết”. Thế Sung không ngăn nổi sự tức giận, bèn ban sắc lệnh bảo giết Sư. Sư nghe thế vui mừng nói: “Nguyện của tôi lại viên mãn!”. Hân hoan tươi cười thư thái. Đi đến Lạc Tân, khi đó đang lúc sáng sớm, chưa phải lúc hành quyết. Sư nói: “Nếu là Thiện tri thức, xin nguyện sớm được độ qua, nếu không như vậy thì sau sẽ được thả, không viên mãn bốn mươi”. Khi đó các hàng đạo tục vây quanh khuyến khích đến chiều, mà Sư vẫn giữ dung sắc, nói lời không chấp thuận, nhân đó liền bị chém. Sau đó có sắc lệnh thả nhưng đã là việc không thể cứu vãn, cả triều đình đều oán hận. Lúc đó nhằm niên hiệu Khai Minh thời Ngụy Trịnh.

Lúc đầu, Sư nương theo Pháp sư Cát Tạng để nghe giảng. Có một vị tăng bảo Sư rằng: “Xem xét đầu sọ, vầng trán, cằm của ông rất có tướng giàu sang, chỉ vì ngấm nhìn nhìn cho kỹ thì oán chẳng được chung cùng.” Sư bảo: “Há chẳng là bị thương mà chết ư? Nếu như sở tướng chính là Bốn nguyện thì từng thấy những người chết bệnh tật rất nguy ách, tâm không tự an, nhiều động chẳng định, dẫn đến đời sau. Sinh tử suốt một kỳ hạn, nhất định không thể thoát khỏi. Sao bằng phát chánh nguyện duyên với thắng cảnh, tâm lực vững chắc tỏ rõ, không có rong ruổi. Dao vừa rơi thì mạng cũng hết chung, thần thái tự tại, há chẳng tốt

ư?” Nên đến lúc sắp hình quyết, Sư lễ bái khắp mười phương, miệng ngâm nga Bát-nhã, xin bút mực đề thư rằng:

*“Huyền Sinh, lại Huyền diệt
Huyền lớn, gì hơn Thân
An tâm tự có chỗ
Tìm người, chẳng có ai.”*

Rồi già biệt mọi người quen biết xưa, sau đó Sư nhắm mắt, chỉ chốc lát Sư bảo rằng: “Hãy hạ Đạo”. Liền theo tiếng Sư mà chém, diện mạo Sư vẫn an nhiên, vui vẻ hơn thường ngày. Vợ Sư là một vị Tỳ-khưu-ni, hiện trụ tại chùa ở Lạc Châu.

8- Truyện ngài Thích Huyền Giác trụ chùa Hoàng Phước ở kinh đô:

Thích Huyền Giác, họ Lý, người ở xứ Phòng Tử thuộc Tùy Châu. Anh em tất cả có năm người, Sư là con út. Người Bác ruột của Sư làm chức Bồ Châu Vạn Tuyền Lệnh, đã lâu không có con, nên nuôi dưỡng Sư như con ruột.

Năm mười ba tuổi, tâm Sư muốn xuất gia, thấy sâu các lỗi thế tục, bèn trốn đến hang núi, theo hướng Bắc đi đến chỗ Thiền sư Siêu ở Phần Châu. Thấy Thiền sư Siêu nói năng tình lý rộng xa, Sư liền nương tựa Ngài mà xuất gia. Người bác đã mất Sư nên sai người đi tìm bắt. Tuy Sư được che giấu nơi hang núi, nhưng không thoát khỏi bị bắt. Miệng Sư nói rằng: “Thân con tuy thuộc của bác, nhưng tâm thuộc về Chư Phật. Con không hề có ý chí muốn ở thế tục, mong xét soi sâu xa!” Người bác bèn xót thương mà thả ra theo ý Sư.

Đến đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, Sư vào kinh đô và được độ chính thức làm tăng, phối tên ở chùa Hoàng Phước. Sư thường ưa thích thiền tụng, lấy việc lễ sám làm chánh nghiệp. Sư có nói với Pháp thuộc rằng: “Tuy đồng là thường nghiệp, mà thệ nguyện muốn xả thân.” Đến tháng tư niên hiệu Trinh Quán thứ mười tám (644) thời Tiền Đường, ban đầu, Sư cởi tất cả y phục gói trọn trong một tấm chăn đem giao cho chư tăng trong chùa, chỉ mặc một chiếc y đơn, thâm đi đến cạnh phường Hồng Pha thuộc sông Vị Âm ở phía Đông kinh đô, lại đến sông Vị, sau khi xưng niệm lễ bái xong, Sư gieo thân xuống dòng nước chảy quanh, mọi người trông thấy, vớt được Sư lên. Sư nhìn quanh tất cả rồi bảo với mọi người rằng: “Tôi thệ nguyện xả bỏ thân mạng đã lâu lắm rồi, ý muốn kính ngưỡng học theo pháp hạnh của bậc Đại sĩ. Với vật khó xả bỏ mà xả bỏ được. Đó là chánh hạnh trong các

kinh thường nói. Xin chớ cố ngăn cản hạnh nghiệp của tôi!”. Mọi người mới tỏ ngộ ý Sư, nên bèn thuận theo ý. Sư liền đến bên sông, chấp tay xưng niệm Chư Phật ba đời trong mười phương và phát thệ nguyện rộng lớn, rồi gieo mình xuống dòng nước xoáy. Ba ngày sau, thi thể Sư mới nổi lên, người trong làng bèn vớt lên để an táng và xây tháp thờ tại Bồn Tự.

Chư tăng ở chùa lấy làm lạ không thấy Sư trở về và xét hỏi cũng không biết đi đâu, nên mở tấm chăn Sư gói y phục mới thấy di văn Sư để lại, viết rằng: “Kính bạch Chư Phật trong ba đời ở mười phương. Đệ tử Huyền Giác con từ khi xuất gia đến nay được mười hai hạ lạc, tuy đượm nhuần trong tăng số mà nghiệp lớn chưa thành. Nay muốn tu hạnh Bồ thí Ba-la-mật. Như Tát-đoả xả bỏ thân, Thi-tỳ cắt thịt ở đùi, ngư vương chất núi thịt, trong các văn kinh ghi chép đầy đủ, xin theo tiền thánh, dạy giúp hậu trần. Với các y vật các thứ mặc y theo lời Phật dạy”. Người đến lúc lâm chung phần nhiều chẳng giao phó chu tất. Các bậc danh học v.v... thấy di văn ấy bèn đến tìm nghiên cứu.

9- Truyện ngài Thích Pháp Khoáng trụ chùa Hoằng Thiện ở kinh đô:

Thích Pháp Khoáng, họ Lạc, người ở xứ Hàm Dương thuộc Ung Châu. Từ thuở thiếu thời, Sư đã có tiết tháo khác lạ, riêng ưa Nho Tố, đến nghe Pháp sư Vinh ở chùa Hoằng Thiện giảng luận Đại Trí Độ, Pháp Sư Vinh là đệ tử Sa-môn Đạo An thời Bắc Chu.

Ngài mới đượm nhuần huyền Nghiệp, đã tỏ ngộ vô thường, siêng năng tu học, chẳng ra khỏi cửa viện. Năm mười sáu tuổi, Sư giảng giải luận trước, Đạo sáng khắp chốn Kinh Hoa, đối đáp rạch ròi, không sai huyền lý. Sư chuyên tu niệm Định, không luống qua thời gian, với Kinh Vô Lượng Thọ, ở đời cho là khó đọc tụng, Sư nghe thế nên thử tìm, mỗi ngày tụng đọc hai quyển, lời văn hoàn toàn mờ tối. Nên khả năng tụng trì của Sư ít có ai hơn được. từ đó, với Kinh Tạng, ngài mở bày xem đọc, lấy đó làm việc thường, với những ý chỉ của Văn từ nghĩa lý, hỏi đến không thứ gì Sư chẳng biết. Sư nhìn lại những kỳ Bồ-tát, Chư tăng phần nhiều thuyết dục, Sư bèn tự cố gắng tâm lực, lập nguyện tụng ngàn biến, chỉ trong vài tuần liền được mãn nguyện. Tánh Sư thường thích kiệm ước, chẳng chuộng loè loẹt, nên trong phòng Sư không có các thứ chiếu nệm. Khắp viện đều trồng cỏ gấu, dùng để làm chỗ ngồi, thực hành hạnh đầu-đà. Sư răn dạy Môn nhân phải xa lìa đắm trước, vì văn cơ chúng sinh thời Mạt pháp thường tùy theo cảnh trần mà sinh nhiễm.

Năm năm mươi tuổi, Sư chỉ sử dụng ba pháp y, bình bát mà thôi, ngoài ra không chứa để một vật gì. Với vọi chánh sắc, theo sạch gió sương, nói năng với người chỉ nói việc xa lìa đấm trước, đến giờ thì khát thực, mỗi ngày chỉ ăn một bữa. Sư từng nói: “Tôi chỉ vì sinh tử bít lấp, luân hồi từ vô thủy. Chán sinh thì ít, chán chết lại ít hơn. Thường nghĩ nhớ ray rứt, muốn xả bỏ đi!”. Đến ngày hai mươi một tháng hai niên hiệu Trinh Quán thứ bảy (633) thời Tiền Đường, Sư đến núi Chung Nam, vào hang Thán sâu bốn mươi dặm, cởi bỏ y phục máng trên cây, tự đâm dao vào cổ. Vì tự giết, nên chẳng do đâu mà biết chỗ. Đến tháng tám, các người quen biết ngày trước, bèn tìm được di thân của Sư, viết thuật văn tụng v.v...

Gần đây, có Sa-môn Vong Danh trụ chùa Đại Thừa ở Phần châu, thường nhằm chán sinh tử, ở trong đời vẫn đục khó độ, thế xả bỏ thân mạng, trước tiên, Sư giảm ăn, chỉ uống các thứ nước thơm, đến kỳ hạn, các hàng đạo tục đều nhóm họp, dùng các thứ hương hoa, phướn long, sấp bày, đi đến sườn Hạ học thuộc núi Tây Sơn, xoay mặt về hướng Tây, chỉnh trang dung mạo, mọi người nói: “Lành thay!” và đều đưa tiễn tùy hỷ, Sư bèn gieo mình xuống vực sâu, đến tới mặt đất, Sư ngồi dậy, khi mọi người đến xem mới biết là Sư đã tịch.

Rộng tìm về những truyện di thân, đại loại có rất nhiều, tùy chỗ mà nêu ra để chỉ bày từng trường hợp một, ngoài ra còn có nhiều thiếu sót.

10- Truyện ngài Thích Hội Thông ở hang Báo Lâm thuộc núi Chung Nam:

Thích Hội Thông, là người xứ Ngự Túc Xuyên ở Vạn Niên thuộc Ung Châu. Thuở thiếu thời, Sư ưa thích Đạo Kiếm, đi khắp các suối rừng. Khổ tiết giới hạnh là điều Sư thường đoái hoài hành tập. Sư đến hang Báo Lâm ở núi Chung Nam, trầm ẩn để tu nghiệp. Sư tụng Kinh Pháp Hoa đến phẩm “Dược Vương” bèn vui mừng, nhằm chán muốn xả bỏ thân mạng, tự gom nhặt cây củi, thế nguyện thực hành việc ấy.

Đến cuối niên hiệu Trinh Quán (650) thời Tiền Đường, giữa đêm tĩnh lặng trong rừng, Sư chất củi thành hầm, tụng kinh đến phẩm Dược Vương, bèn nhóm lửa, gió mạnh thổi ùn ngọn lửa bốc lên, khói lửa đều cháy mạnh, Sư vẫn vững thân ngồi kiết già, tiếng đọc tụng kinh vẫn như thường. Sau đó, từ phía Tây nam có một tia sáng màu trắng chiếu thẳng vào trong lửa nhóm, thân Sư mới ngã xuống. Đến sáng hôm sau, thân và lửa đều tàn hết, mọi người bèn thâu nhặt di cốt an táng và xây tháp

trắng, khắc ghi bài Minh.

Vào đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, tại Kinh châu, có hai chị em Tỷ-khưu-ni đồng trì tụng Kinh Pháp Hoa, rất nhàm chán thân hình, đều muốn xả thân. Tiết chế ăn mặc, kính chuộng khổ hạnh, uống ướp các thứ dầu hương, dần dần bỏ cơm, sau cùng dứt hẳn ngũ cốc, chỉ ăn uống mật thơm, mà tinh thần sức lực vẫn mạnh khoẻ, chí ý tinh thuần sáng suốt, thông báo khắp các hàng đạo tục, ước định ngày để thiêu thân. Đến ngày mồng tám tháng hai niên hiệu Trinh Quán thứ ba (629) thời Tiền Đường, đến một con đường lớn ở Kinh Châu, đặt hai cái tòa cao, hai chị em mới dùng vải bố bọc sáp quấn quanh thân mình lên đến đánh đầu, chỉ để lộ bày mặt mắt. Mọi người tụ lại rất đông, ngâm ca khen ngợi tợ mây ùn. Đọc tụng đến đoạn thiêu đốt, người chị trước bật lửa đốt trên đánh đầu người em, rồi người em lại châm lửa trên đầu người chị, giữa đêm thanh vắng đồng một lúc hai ngọn đuốc soi sáng khắp cùng. Khi cháy xuống tới mắt, tiếng tụng kinh vẫn rõ ràng, dần cháy xuống mũi miệng mới lặng dứt. Vừa đến lúc sáng sớm, khắp tòa đều cháy, cùng một lúc lửa cháy ra như hoa, hài cốt tiêu rụi, hai chiếc lưỡi đều còn, mọi người đều vui mừng khen ngợi, xây tháp cao để thờ.

Gần đây, tại phía Tây Tinh Châu, có một thư sinh tuổi khoảng hai mươi bốn- hai mươi lăm, thường trì tụng kinh Pháp Hoa, thệ nguyện thiêu thân để cúng dường, bèn gom nhặt vài bó cỏ khô cất giữ, có người hỏi lý do, bèn lặng thinh không nói. Sau đó, vào lúc nửa đêm, phóng lửa tự thiêu thân. Khi mọi người đến cứu thì lửa cháy mạnh và thân đã chết, mọi người bèn chất thêm củi để đốt cháy hoàn toàn thân hình ấy.

Gần đây, lại có Sơn tăng Thiện Đạo, Sư đi khắp mọi nơi, tìm cầu thừa hỏi bến Đạo, Sư đi đến Tây Hà, gặp được Sa-môn Đạo Xước chỉ chuyên hành trì xưng niệm hồng danh đức Phật A-di-đà lấy làm tịnh nghiệp. Sau khi vào kinh đô, Sư rộng hành hóa pháp môn ấy, viết chép Kinh A-di-đà đến mấy muôn quyển, các hàng sĩ nữ kính tin vâng đến vô số lượng. Đến lúc đang nói pháp tại chùa Quang Minh, có người hỏi Sư rằng: “Nay xưng niệm danh hiệu Phật, có chắc chắn được sinh về Tịnh Độ chăng?” Sư đáp: “Chắc chắn được vãng sinh!” người ấy lễ bái xong, miệng tụng “Nam mô A Di Đà Phật” lời tiếng nối nhau phát ra ánh sáng khắp cả cửa chùa. Và leo lên trên đầu cành cây liễu, chấp tay xoay mặt nhìn về hướng Tây, tự gieo thân mình xuống, vừa đến đất thì chết ngay. Sự việc ấy được tấu trình đến Đài Tỉnh.

11- Truyện Xà-lê Thiệu ở Tử Châu:

Xà-lê Thiệu, là người xứ Huyền Võ thuộc Tử Châu. Họ Bồ. Khi chưa xuất gia, nhân đi đến núi thấy một con trùng lớn thân hình rất gầy ốm lại dẫn theo một con nhỏ ở khe nước muốn tìm bắt tôm, nhưng không bắt được. Sư mới than rằng: “Loài trùng này đáng lẽ ở trong núi sâu, nay lại ra đường tức là rất đói khát. Trước sau cũng đồng một lần chết, chi bằng sung vào cấp dưỡng sự đói khát này”. Bèn cỡi y phục đến nằm phía trước con trùng con trùng, ấy bèn bỏ đi nơi khác.

Sau đó, Sư xuất gia, chỉ chuyên tụng kinh hành đạo mà thôi, không hề có hạnh nghiệp gì khác. Vào đầu niên hiệu Đại nghiệp (605) đời Tùy, tại xứ Nhữ Châu, trùng độc bạo hành khác thường, dân chúng phải từ ba người, năm người, mười người cùng cầm roi gậy đồng đi, chẳng ai dám đi một mình. Trùng độc hại người đã rất nhiều, Sư bèn đến xứ đó, tạo lập am tranh mà ở. Trùng độc đều lánh bỏ đi xa, đường sá trở lại thanh thản.

Đến năm một trăm lẻ chín tuổi mới cảm thấy bị bệnh, Sư bảo các đệ tử rằng: “Tôi muốn để lộ bày thi thể, xin bố thí cho các loài chim thú, mà hổ con chê thân tôi, khi đang là thịt sống còn chẳng chịu ăn, huống gì đã chết mà thưởng thực hay sao? Nên hãy thiêu đốt thân tôi, không để lại gì!”. Các đệ tử không nỡ nghe theo lời đó, nên sau khi Sư thị tịch bèn để lộ bày thi thể hơn một tháng, mà các loài chim thú không dám xâm phạm, bèn rước về an táng.

12- Truyện ngài Thích Đạo Hưu trụ chùa Phước Duyên ở Tân Phong:

Thích Đạo Hưu, không biết Sư họ gì. Sư trụ chùa Phước Duyên ở Tân Phong thuộc Ung Châu. Thường lấy hạnh đầu-đà làm chánh nghiệp. Sư đến hang sâu ở núi Ly, thuộc phía Nam chùa, bện cỏ làm am. Mỗi lần ngồi thiền suốt bảy ngày ngài mới xuất định, mang bình bát, chống tích trượng xuống núi khát thực. Khi bình bát đã đầy cơm, Sư tùy chỗ mà ăn rồi trở về am cũ. Cứ lấy bảy ngày làm kỳ hạn, như lúc đầu không thay đổi. Do đó những người có đức tin ở trong làng cứ định ngày đến núi, đứng đầu đường để đón rước Sư. Sư vui cười nói trước, mở lời thăm hỏi, thực hành, giảng nói cấm giới, thường dùng từ thiện để dạy răn. Mọi người chờ đợi Sư thọ trai xong, sau đó mới xin thọ nhận quy giới, rồi đón rước vào cửa núi. Sau đó mới trở về, suốt hơn bốn mươi năm thường thực hành như thế.

Đến giữa mùa Hạ niên hiệu Trinh Quán thứ ba (629) thời Tiền

Đường, mọi người y theo thường lệ mà Sư chẳng ra, bèn đi đến am để xem, thì Sư đã ngồi thẳng khoanh tay mà thị tịch, mọi người cho là Sư nhập định, bèn ở lại bên cạnh am suốt đêm để giữ gìn. Qua mấy đêm bèn vào xem xét, thì thấy hơi thở Sư đã ngừng dứt mà vẫn ngồi kiết già không thối rữa, nghiêm nhiên như lúc còn sống, bèn đến che đậy, phía ngoài cửa lại dùng cây gai để rào ngăn, sợ các loài trùng đến làm thương tổn.

Đến đầu mùa Đông niên hiệu Trinh Quán thứ tư (630) thời Tiền Đường Tôi (Đạo Tuyên) đến đó để hầu thăm, thì người trong làng ở phía bắc núi đã đón rước về trong làng, xây miếu để tôn trí Quyết hình. Tuy da bọc xương, mà dung mạo nhan sắc Sư không biến đổi, vẫn ngồi kiết già như cũ, bèn sơn phết thêm trên thân hình Sư.

Từ khi xuất gia nhập đạo về sau, Sư thường chỉ mặc ba pháp y mà thôi, không mặc các thứ gấm lụa, vì thương tổn sinh mạng. Sư lại mặc áo vải bố qua nhiều năm tháng, bám bám rách rưới, ai thấy cũng đều chạnh lòng. Bấy giờ, gặp lúc mùa đông đang giá rét, bỗng nhiên Sư bật rên rỉ, cởi bỏ cả ba y, ngồi để bày lưng. Lạnh buốt khó chịu nổi, Sư bèn lấy một lớp y đắp lên thân, bèn cảm thấy ấm lại. Sư bèn tự khuyên rằng: “Người cũng dễ lừa dối, trước sau đều lạnh, đều là một chiếc áo, vì sao lại dễ cướp đoạt, bèn cảm thấy ấm. Người không đáng tin, ta sẽ làm thầy người”. Hoặc có lúc Sư muốn vá áo, dùng vải đắp lên, muốn vá thêm, thì liền nhập định. Sau khi xuất định bèn thâu lấy mà đi khát thực. Trong đời Mạt pháp đem sự chết để sinh ra Đạo Nghiệp thì ít có người tiếp được dấu vết. Tôi (Đạo Tuyên) đã từng tham dự công việc phiên dịch, gần gũi hỏi han chữ tạng vốn là người Tây Vực, đều dùng giạ bố mà làm áo ca-sa, không hề sử dụng các thứ lụa là, nếu như có dùng thì dùng ở các loại y phục khác, không được thêm thọ trì. Ở các nước Quy-tư, Vu-tuần, v.v... hiện nay nuôi tầm chỉ để lấy tơ, cũng không giết hại. Nên biết hạnh từ bi cứu giúp của Sư đồng với phong hạnh của Hành Nhạc. Trước kia đã nói rộng, sợ mê lầm nên nêu lại. Ngoài ra các thứ y phục khác, đâu thể nói được.

Thử Luận Bàn:

Trộm nghe rằng: xem thường sự sống, vì tiết tháo mà hy sinh tánh mạng. Từ xưa cho đó là khó, nếu được khỏi thì cũng không hổ thẹn. Ở đây cho là dễ. Lời truyền của người có chí khí hay người thường đều nêu bày phong du. Ngôn ngữ của các bậc Thượng đạt, Hạ đạt rõ nêu kinh điển. Đều do vì ẩn tàng khuôn phép dong độ, mở dẫn tinh linh, chỉ có Đạo là tôn quý, chỉ có Đức là sinh mọi vật nên có thể quên cả thông

bít, dứt bặt phải quấy. Hiểu được nguồn gốc của lưu chuyển, thấu suốt đầu mối điên đảo. Ấy là bậc Đạt nhân. Biết được sự giả hợp của thân mạng như bụi trần vô tánh. Xét soi mạng số như dòng chảy, chỉ do tâm sinh diệt. Từ đây trở xuống đều là sống Huyền, làm sao có trí người mà thường giữ mãi được. Nhưng gá sinh ở đời, buộc lấy chưa mất, nương lấy nhân rộng để làm sạch tâm mê hoặc. Hoặc bẻ gãy để thêm sự náo nhục, hoặc ức chế làm việc tôi hèn, hoặc thiêu đốt để nhỏ nguồn tham, hoặc mở xé để thấu cùng gốc Si. Buộc thân làm đuốc để thấu đạt đường mê, đốt tay tỏ sáng để bày báo ân đức. Các tướng ra đèn vào sắt, dấu vết như rừng. Hay chất chứa núi thịt biển sữa, nghe đủ lời răn trước. Đó đều là nhỏ ngược cội rễ rộng lớn của Ngã, hiển bày vùi lấp thân hình đáng nhàm chán. Đem nhà mục rã sắp đổ để đổi lấy pháp thân Kim Cương. Trong kinh chẳng nói đó ư? Thật là lời chí thiết!

Vật báu quý nhất trong sự sống, chính là thân hình, nhưng so so lường thì chỉ có mạng. Đức Đại Thánh lập ra giáo pháp chẳng lẽ đối bày ư? Nên Bồ-tát Dược Vương là bậc Thượng Hiền thiêu thân, do đó mà phát nguyện cùng khắp. Với hàng hạ phàm kính mến sự rực sáng thì thà không mất tâm. Nên Sa-môn Tăng Nhai vững thân trong lửa dữ, lời tiếng vẫn không đổi thay. Sa-môn Đại Chí áp cánh tay vào sắt nóng mà tinh thần tiết tháo càng mới. Sa-môn Huyền Giác gieo mình xuống dòng sông, tuy được cứu vớt ra nhưng ném mình vào lại. Sa-môn Pháp An bỏ mạng nơi tù tội, tuy được thả ra nhưng lại tự vào. Vậy đủ biết, tiết tháo không thể bị cướp đoạt, chí hạnh chẳng thể cản ngăn. Thật đáng mừng thay! Rất khó làm việc ấy. Lại có vị kéo ruột vắt lên cành cây, tước thịt ở trong rừng, kê mũi dao mà sắc mặt vẫn an nhiên, mỉm cười mà nhận chịu sự khinh nhục, đều như trong Bốn Kỳ, lại đáng mừng thay. Nhưng bậc chánh sĩ chứng đắc Tứ Quả thiêu đốt thân mình mà lánh sự phỉ báng, đồ chúng tám ngàn nhận chịu hình quyết. Hộ pháp mà trốn cội Nhẫn. Ấy do năng lực gì mà lên nguy hiểm, đây là tình gì mà thoát khỏi khổ? Tự chẳng nghĩ nhớ, làm sao rộng cứu giúp thực hành dứt bặt ngã nhân. Quán xét sắc tướng là bụi trần nhóm họp, thấu đạt tánh mạng chỉ như đèn trước gió nên có thể theo vết các bậc tiền Thánh. Thật đáng chõ nương nhờ của thời Tượng Pháp, Mạt Pháp!

Hoặc có người hỏi rằng: “Người nhàm chán sự sống thì nên nhỏ bỏ nhân sinh. Há dứt quả khổ mà bẻ gãy gốc Tập ư?” Đó là chưa nghe yếu chỉ nên xin vì trình bày. Hễ lập ngôn như thế thì không gì chẳng thường xảy ra. Vả lại, Nhân Tập kéo dài, như tướng thuộc của núi. Ngã là gốc Tập như chờ đợi sự dẫn dắt của mây khói. Sự sống chỉ quý trọng

ở Thân, tùy quý trọng mà thực hành đối trị. Như bệnh ở trong đời theo thân mà bày phương thuật. Cho nên thiêu đốt hay nhận chìm là để biết tham sân, ghét bỏ luống dối để đánh tan si mạn. Nghiệp hạnh ấy đáng chuộng đồng như Tĩnh quán mà duyên với Sắc tâm, Đạo ấy đáng tôn sùng. Ngang bằng với tức Hữu mà làm Không. Hẳn là do mê lầm dấu vết, nên cho là Ngã có khả năng hành động, đảo vốn càng nhiều mà luống hành nhóm khổ. Nên thọ trì một câu kinh hơn hẳn xả bỏ nhiều thân. Thực chất lời đồn ấy ở trong đời chính chỉ cho hạng người ấy. Chỉ bởi bệnh nghe mà không thực hành, lại thêm thường thất buộc, đâu như dứt bỏ dần các chi tiết, trừ từng phần trăm chấp trước. Thánh giáo bao la, nghĩa bao gồm tri lượng, tự có năng lực phân biệt hư liệt, vọng dấm nghĩ ngang bằng. Hoặc rên rỉ gào khóc đến chết, hoặc nhanh nhẹn mà bị nạn. Lời bình trong tuyên trước, thì đời nào không có? Lại có chưa rõ về giáo tích, dâm não buộc ràng ngăn bít, sợ sai sót ở đầu chương, cắt theo yêm lệ, khoe dối lấy làm Đức, khinh thường tăng luân. Thánh giáo khoa trị phải có yếu chỉ sâu mầu. Chỉ bởi yêu thích mà sinh khởi đối vọng, biết vọng thì Ái Không thể theo. Không hiểu trở lại thất buộc nội tâm mà mê lầm vớt bỏ ngoại sắc. Nên căn sắc tuy vớt bỏ mà nhiễm ái càng tăng thêm, rất làm chướng đạo, hiện đầy giới nạn. Cần phải thêm đó mà ruồng đuổi tội, sao dám nương tựa đó mà sinh khởi phước.

Lại có người lúc sắp qua đời để lại di quyết, bảo bỏ nhục thân ở dưới rừng, hoặc bỏ chìm dưới dòng nước chảy, giúp cho các loài chim cá. Hoặc chôn vùi dưới lòng đất sâu, làm phần mộ cao lớn, dựng văn bia ghi chép đức hạnh, hoặc nhân nơi sườn núi để rơi vào hang sâu, trông mong xa biết người. Hoặc toàn thân thiêu đốt bằng lửa chẳng lụy phiền thân thức của Đồng sinh. Hoặc xương tro bôi đắp thoa tượng để bày thân phụng cúng. Hoặc lột da cắt mũi xẻo tai, gọi đó là dứt trừ trần lao, móc mắt, tháo các chi phần nói đó là bỏ hết tình dục. Đường lối như thế có rất nhiều. Do đó mà thứ lớp trình bày. Hễ vớt bỏ thì thể nơi rừng mỏng, ít dứt trừ tâm bỉ lặn. Các loài chim bay thú chạy lấy đó mà dứt trừ sự đói khát. Các vật u hiển lấy đó mà luân xông. Được bù đắp lẫn nhau, ít gồm cứu giúp, nên có trùng nặng nhảy vọt trong ngoài, chim quạ theo đó mà mổ ăn vung vãi, mở lênh lán nơi gò hoang, làm tổn thương lòng từ. Nhưng ở Tây vực nguyên tắc an táng gồm có bốn cách: Hỏa táng tức là đốt bằng củi. Thủy táng là bỏ xuống nước sâu. Thổ táng là chôn cạnh sườn núi, Lâm táng là vớt chỗ hoang vắng. Các bậc Pháp Vương, Luân Vương đồng y theo lễ hỏa táng. Ở đời vì theo thói quen nên các cách ít thực hành. Còn ở Đông Hạ lưu truyền chỉ nghe hai cách

Lâm táng và Thổ táng. Còn hai cách Hỏa táng và Thủy táng ở đời ít thực hành theo. Nên dùng ngôi bít ngu quan là mở đầu cho việc phế bỏ đốt bằng củi. Đến thời Hạ Hậu Thánh Chu thì thực hành việc áo quan bằng ngôi. Người thời nhà Ân dùng hòm gỗ nhỏ và lớn sơn bít lại. Đến thời Trung Cổ, Vua Văn Vương đề xướng nhân dục thành phép tắc, tuy sáng tỏ việc chôn cất mà thực hành vẫn còn ít. Nên gọi bọc xương khô, chôn lấp thịt thối nơi bờ đê để cất giấu. Vào thời Thượng cổ, mộ không có phần, chưa thông nhiều loại, rõ ràng đợi đến sau Lô Lăng, hiện tức Nhân Sơn làm Lăng. Đến thời Hạ Cổ cùng noi theo đồng thực hành Thổ táng, lăng xăng lắm nhiều khó có thể ghi hết. Nên tạm vớt bớt. Nếu mới có Bia hàng ghi lời dẫn đến sự tiếp nối giếng mới trong sạch của đời sau, giảng khắp xây tháp, nêu bày công lao của tiền đức. Theo sự chỉ rõ của Kinh A-hàm thì đời càng sáng tỏ, còn chôn thi thể bên cạnh tháp, ưa chuộng xa rải ở bên Phường, gần dùng thoa xương, thật mới rộng thông xiêm gá. Lại nhàm chán cắt đứt người đời, sống đưa vào rừng sâu, rộng thông báo với bốn bộ, mong còn cứu thỉnh. Đã mất tình gieo, cố gắng theo sự, các hàng Đạo tục ngợi khen, giúp theo cùng thúc giục, nhẩn mày lo lắng không thôi. Buông thân xuống hang vực, y cứ theo luật thì tội đáng ở nhóm tụ đầu, luận về tình thì tùy được tại xá. Ngoài ra còn có lược bỏ thừa thải rườm rà. Tuy phù hợp với Cực giáo mà tâm còn bất tịnh, còn nhiều nhiễm đời. Có khả năng mở mang rộng lớn, không cậy khai hóa hôn mê, cho nên chẳng phải điều mà luận nói rõ được. Tự hãy quy hướng kính ngưỡng thanh tịnh thấu đạt. Mà ở đời hoặc có lắm sự vọng hành, bỏ ăn luyện thân để mong Vũ hóa, ăn bánh bột để thân thể bớt nặng nề. Hoặc hít thở sương móc, hoặc nhả nạt âm dương, hoặc nhờ thuốc để kéo dài tuổi thọ. Hoặc hành khí để thấu cùng đất trời. Hoặc kéo dài sự sống để đợi Đức Di-lặc ra đời, hoặc sợ chết mà cầu tà thuật. Vết tích đó có rất nhiều, đâu có đáng nghe? Đều là then chốt của các bậc tiên thánh, là sự vất bỏ của hàng Hậu hiền. Bèn lại khắp chương mong cầu tìm thưởng. Lúc tươi, mang bữa lớn lên núi cao, nhìn khí tốt của năm chi, vác mai đến vực, hưởng sáng ngời của tám thạch. Cho Tả Đạo là Ngô Hiền, lấy dâm từ làm trọn chí. Rốt cùng chỉ theo tiểu pháp, chưa khỏi bờ sinh, nhọc nường cửa Phật, luống hành một đời, thật đáng buồn thay. Vậy nên biết, Sinh tử kỳ hạn lớn, tự có số thường, phải là hàng Sơ quả trở lên, ngoài ra chưa luận rõ. Lại lấy phạm tâm trừ tính các Thánh Đạo, chung thành ngu kết, biết sao chẳng làm, thế nên sự lay động của rừng lạnh, ngu trí nhân tổ ngộ vô thường, xả bỏ sự sống mà còn nghĩa lớn, để mở nổi lòng nhớ Đạo. Tướng của toàn thân toái

thân, phương của Quyền hành thực hành, nêu bày biết cơ của Diệu Hóa, thông cùng rộng lược của Đại Thánh. Nước trong có in bóng, trọn phiên lăm lời nơi chôn dày, tâm rộng không nương cậy, thì mặc sự hành tàng của mọi vật. Đạo ấy chẳng cùng, lá nói lược.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN
Quyển 27 hết